

BẤT CẬP, VƯỚNG MẮC CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

NGUYỄN THỊ YẾN *

Tóm tắt: Giải thể đối với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân đã được quy định từ khi Việt Nam ban hành Luật Công ty năm 1990, Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990; được bổ sung, hoàn thiện qua các Luật Doanh nghiệp năm 1999, 2005, 2014, 2020. Các quy định về giải thể doanh nghiệp đã phát huy hiệu quả điều chỉnh khá tốt, nhiều doanh nghiệp khi không muốn hoặc không đủ điều kiện hoạt động đã thực hiện thủ tục giải thể. Tuy nhiên, với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế, các quy định pháp luật về giải thể doanh nghiệp hiện hành đã bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc khi triển khai trong thực tiễn. Bài viết chỉ ra một số bất cập cơ bản của pháp luật về giải thể doanh nghiệp về các trường hợp giải thể, điều kiện giải thể, trình tự thủ tục giải thể; đồng thời đề xuất một số giải pháp sửa đổi các quy định pháp luật tương ứng nhằm tháo gỡ những vướng mắc kể trên.

Từ khoá: Giải thể doanh nghiệp; bất cập vướng mắc; cơ quan có thẩm quyền giải thể doanh nghiệp

Nhận bài: 07/12/2024

Hoàn thành biên tập: 27/01/2025

Duyệt đăng: 27/01/2025

SHORTCOMINGS AND CHALLENGES IN CURRENT LEGISLATION ON ENTERPRISE DISSOLUTION AND RECOMMENDATIONS FOR IMPROVEMENT

Abstract: The dissolution of enterprises in the private economic sector has been regulated in Vietnam since the enactment of the 1990 Law on Enterprises and the 1990 Law on Sole Proprietorship; these provisions were later supplemented and refined through the 1999, 2005, 2014, and 2020 laws on enterprises. The provisions regarding enterprise dissolution have demonstrated significant regulatory effectiveness, with many enterprises that no longer wished to operate or failed to meet the conditions for operation successfully undergoing dissolution procedures. However, with the continuous development of the economy, the current legal framework governing enterprise dissolution has revealed various shortcomings and challenges in practical application. This article identifies several fundamental issues in the law concerning enterprise dissolution, including the grounds for dissolution, conditions for dissolution, requirements for dissolution, and dissolution procedures. Additionally, it proposes specific amendments to the relevant legal provisions to address these challenges effectively.

Keywords: Enterprise dissolution, legal deficiencies, competent authority for enterprise dissolution

Received: 7 December 2024; Editing completed: 27 January 2025; Accepted for publication: 27 January 2025

1. Đặt vấn đề

Từ khi Hiến pháp năm 2013 ra đời, pháp luật doanh nghiệp đã thể chế quan điểm cơ bản về quyền tự do kinh doanh được ghi nhận tại Hiến pháp, trong đó có quyền rút lui

khỏi thị trường có trật tự thông qua thủ tục giải thể (cùng với thủ tục phá sản doanh nghiệp theo Luật Phá sản năm 2014; thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia công ty theo Luật Doanh nghiệp (LDN) năm 2020). Cụ thể, LDN năm 2014, được thay thế bởi LDN năm 2020 đã ghi nhận thủ tục giải thể khá đầy đủ,

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: ntyen.law@hlu.edu.vn

thuận tiện cho các doanh nghiệp. Các quy định này đã giúp doanh nghiệp khi muốn chấm dứt hoạt động thông qua thủ tục giải thể có thể thực hiện được mong muốn của mình. Tuy nhiên, qua quá trình triển khai trong thực tiễn, LDN năm 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản pháp luật có liên quan đã bộc lộ nhiều điểm bất cập, gây khó khăn trong quá trình các doanh nghiệp thực hiện quyền rút lui khỏi thị trường. Vậy, các bất cập, vướng mắc của quy định pháp luật về giải thể doanh nghiệp là gì? Cần có giải pháp nào để tháo gỡ? Bài viết phân tích các nội dung này nhằm hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về giải thể doanh nghiệp.

2. Khái quát về giải thể doanh nghiệp

Theo Từ điển tiếng Việt, “giải thể” được định nghĩa là “*không còn tồn tại, làm cho không còn tồn tại như một tổ chức, các thành phần, thành viên phân tán đi*”¹. Như vậy, có thể hiểu việc doanh nghiệp không còn duy trì sự tồn tại, không còn thực hiện các hoạt động kinh doanh như trước nữa được gọi là giải thể doanh nghiệp. Giải thể trong tiếng Anh được đề cập với khá nhiều thuật ngữ như “dissolution”, “disband” hay “break up”², trong đó thông dụng và được sử dụng rộng rãi trong các văn bản pháp lý là thuật ngữ “dissolution” để chỉ việc chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp.

Dưới góc độ pháp lý, Từ điển Luật học định nghĩa: “*Giải thể doanh nghiệp là thủ tục chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp*”

với tư cách là một chủ thể kinh doanh bằng cách thanh lý tài sản của doanh nghiệp để trả nợ cho các chủ nợ”³. Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam tập một của Trường Đại học Luật Hà Nội định nghĩa: “*Giải thể doanh nghiệp là quá trình chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp trong điều kiện doanh nghiệp có khả năng thanh toán hoặc bảo đảm thanh toán các nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp. Giải thể là thủ tục để doanh nghiệp rút khỏi thị trường một cách hợp pháp*”⁴. Giáo trình Pháp luật kinh tế của Khoa Luật Trường Đại học Kinh tế Quốc dân định nghĩa: “*Giải thể doanh nghiệp là một doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh, không tiếp tục tồn tại trên thị trường với tư cách là một chủ thể kinh doanh*”⁵.

Như vậy, có thể hiểu: Giải thể là quá trình doanh nghiệp thực hiện các thủ tục để rút khỏi thị trường hợp pháp, là quá trình dẫn đến việc chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp trong điều kiện doanh nghiệp có khả năng thanh toán hoặc bảo đảm thanh toán các nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp.

Giải thể doanh nghiệp có các đặc trưng cơ bản sau:

Một là, bản chất của hoạt động giải thể doanh nghiệp là quá trình doanh nghiệp thực hiện một số hoạt động gồm thanh lý tài sản, thanh toán nợ và thực hiện các thủ tục hành

¹ Viện Ngôn ngữ học (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội - Đà Nẵng, tr. 354.

² Bùi Phụng (1998), *Từ điển Việt-Anh*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 128.

³ Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý (2008), *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển Bách khoa - Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 98.

⁴ Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam tập 1*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 419.

⁵ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Khoa Luật (2012), *Giáo trình Pháp luật Kinh tế*, Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, tr. 305.

chính nhằm chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp về mặt pháp lý và thực tế. Như vậy, cần nhìn nhận giải thể doanh nghiệp không phải là sự kiện pháp lý mà là quá trình và quá trình này phải tuân theo các quy định của pháp luật.

Hai là, chủ thể quyết định việc giải thể doanh nghiệp là chủ sở hữu doanh nghiệp (đối với trường hợp giải thể tự nguyện), cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với trường hợp giải thể bắt buộc).

Ba là, hệ quả của việc giải thể doanh nghiệp là mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sẽ phải chấm dứt, doanh nghiệp sẽ bị xoá tên tại cơ quan đăng ký doanh nghiệp; hay cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ cập nhật tình trạng “đã giải thể” của doanh nghiệp lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Bốn là, doanh nghiệp khi thực hiện giải thể doanh nghiệp phải đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ cũng như các nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại toà án hoặc cơ quan trọng tài. Nói cách khác, khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động thông qua thủ tục giải thể, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan sẽ không bị ảnh hưởng từ việc này.

3. Một số bất cập, vướng mắc của pháp luật hiện hành về giải thể doanh nghiệp

Thứ nhất, quy định về trường hợp công ti bị giải thể khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ công ti không thực sự khả thi.

Theo điểm a khoản 1 Điều 207 LDN năm 2020, doanh nghiệp (cụ thể là công ti) bị giải thể khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ công ti mà không có quyết định gia hạn. Tuy nhiên, Điều 24 LDN năm 2020 quy định về 13 nội dung của điều lệ công ti (bao gồm điều lệ khi đăng ký công ti

và điều lệ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình hoạt động) không có nội dung về thời hạn hoạt động của công ti. Trong quy định của các văn bản pháp luật trước đây, chỉ có Điều 10 Luật Công ti năm 1990 quy định thời hạn hoạt động của công ti là một trong các nội dung của điều lệ công ti. Điều này có nghĩa là, khi thành lập công ti, người thành lập phải đăng ký thời gian hoạt động của công ti; và khi kết thúc thời hạn đó, nếu không được gia hạn thì công ti phải chấm dứt hoạt động. Tuy nhiên, LDN các năm 1999, 2005, 2014 và 2020 đều không quy định nội dung này. Như vậy, “*về mặt lý thuyết, công ti có thể tồn tại không xác định thời hạn*”⁶. Trên thực tế, chỉ trong trường hợp điều lệ của công ti quy định cụ thể thời hạn hoạt động thì công ti mới buộc phải giải thể.

Bên cạnh LDN năm 2020, Luật Đầu tư năm 2020 cũng quy định về thời hạn hoạt động của dự án đầu tư (không quá 70 năm đối với dự án đầu tư trong khu kinh tế; không quá 50 năm đối với dự án đầu tư ngoài khu kinh tế, có thể gia hạn nhưng không quá 70 năm - Điều 44). Nếu dự án đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế, khi dự án đầu tư kết thúc, doanh nghiệp có thể thực hiện dự án đầu tư tiếp theo, nên sẽ tiếp tục hoạt động. Trường hợp doanh nghiệp chỉ thực hiện một dự án đầu tư duy nhất, mặc dù sự tồn tại của doanh nghiệp không còn có ý nghĩa, doanh nghiệp cũng không bắt buộc phải giải thể nếu điều lệ doanh nghiệp không quy định về nội dung này.

⁶ Nguyễn Thị Dung (2023), *Pháp luật doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế (Sách chuyên khảo)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 548.

Thứ hai, quy định “công ti phải giải thể khi không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu trong thời hạn sáu tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp” không phù hợp với loại hình công ti hợp danh.

LDN năm 2020 quy định các trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tại Điều 202 (chuyển đổi công ti trách nhiệm hữu hạn thành công ti cổ phần), Điều 203 (chuyển đổi công ti cổ phần thành công ti trách nhiệm hữu hạn một thành viên), Điều 204 (chuyển đổi công ti cổ phần thành công ti trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), Điều 205 (chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ti trách nhiệm hữu hạn, công ti cổ phần, công ti hợp danh). Tuy nhiên, không có quy định nào về chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đối với công ti hợp danh. Điều đó có nghĩa là, nếu công ti hợp danh muốn chuyển đổi loại hình (ví dụ chuyển thành công ti trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), các thành viên hợp danh sẽ phải làm thủ tục giải thể công ti hợp danh và thành lập công ti trách nhiệm hữu hạn. Do đó, loại hình công ti này khi không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của LDN năm 2020 (tối thiểu hai thành viên hợp danh) sẽ phải giải thể luôn, chứ không làm thủ tục chuyển đổi trước khi giải thể. Điều này phản ánh sự không chuẩn xác của quy định này, cần có sự điều chỉnh cho phù hợp.

Thứ ba, chưa có quy định về thẩm quyền của toà án trong việc ra quyết định giải thể doanh nghiệp

Điều 209 LDN năm 2020 quy định về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi giấy

chứng nhận đăng kí doanh nghiệp hoặc theo quyết định của toà án. Tuy nhiên, Điều 207 LDN năm 2020 quy định về các trường hợp giải thể doanh nghiệp không có quy định trường hợp doanh nghiệp bị giải thể theo quyết định của toà án. Bên cạnh đó, trong các văn bản pháp luật tố tụng không có căn cứ pháp lí nào quy định toà án có thẩm quyền quyết định giải thể doanh nghiệp. Như vậy, pháp luật hiện hành chưa có quy định rõ ràng về thẩm quyền của toà án trong việc ra quyết định giải thể doanh nghiệp cũng như lí do, căn cứ để toà án ra quyết định giải thể doanh nghiệp.

Thứ tư, quy định về điều kiện giải thể không rõ ràng, có thể dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau

Điều kiện giải thể doanh nghiệp là doanh nghiệp phải “bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác” dù là giải thể tự nguyện hay giải thể bắt buộc. Quy định này có thể dẫn đến hai cách hiểu khác nhau:

Một là, doanh nghiệp thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác⁷ và phải chứng minh được việc đã thanh toán hết các khoản nợ đó thì mới được giải thể. Có cách hiểu này bởi quy định tại khoản 7 Điều 208 và khoản 4 Điều 209 LDN năm 2020 cho thấy pháp luật đòi hỏi doanh nghiệp phải “thanh toán hết” các khoản nợ trước khi gửi hồ sơ giải thể cho cơ quan đăng kí kinh doanh. Tuy nhiên, cách hiểu này sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp muốn giải thể vì nếu muốn chấm dứt hoạt động mà phải thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác

⁷ Trần Huỳnh Thanh Nghị (2019), “Quy định về giải thể doanh nghiệp tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 và một số kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 09, tr. 42.

thì nhiều doanh nghiệp sẽ không đáp ứng được. Như vậy, doanh nghiệp không muốn tồn tại, nhưng cũng không thể chấm dứt hoạt động vì không đáp ứng điều kiện

Hai là, doanh nghiệp chỉ cần có phương án bảo đảm việc thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác là được giải thể⁸. Cách hiểu này phù hợp với quy định về chuyển giao nghĩa vụ của Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng như thực tiễn hiện nay bởi trên thực tế, không phải doanh nghiệp nào khi tiến hành thủ tục giải thể cũng có khả năng chi trả được tất cả các khoản nợ của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu có quyết định giải thể, thanh lý toàn bộ tài sản thì doanh nghiệp sẽ thanh toán được hết các khoản nợ. Điều này có nghĩa là khi ra quyết định giải thể, doanh nghiệp chỉ cần có phương án đảm bảo thanh toán được hết nợ và các nghĩa vụ tài sản khác là đáp ứng được điều kiện giải thể.

Thứ năm, quy định công khai thông tin về giải thể doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa rõ ràng.

Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải ra quyết định giải thể doanh nghiệp. Đối với trường hợp pháp luật yêu cầu phải đăng báo, quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo in hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp (Điều 209 LDN năm 2020), song trường hợp nào phải đăng báo thì chưa có quy định hướng

dẫn cụ thể. Trên thực tế, cơ quan đăng ký kinh doanh vẫn bắt buộc các doanh nghiệp phải thực hiện việc đăng tải thông tin trên báo viết hoặc báo điện tử trước khi cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong mọi trường hợp⁹. Ngoài ra, pháp luật hiện hành không quy định cơ quan đăng ký kinh doanh phải cập nhật thông tin này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, vì vậy các đối tác khó tiếp cận thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc giám sát doanh nghiệp ra quyết định giải thể trong thời hạn mười ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũng chưa sát sao, dẫn đến có trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời gian dài nhưng không ra quyết định giải thể¹⁰.

Thứ sáu, thủ tục giải thể được thực hiện tại nhiều cơ quan, quy định tại nhiều văn bản pháp luật khác nhau khiến doanh nghiệp mất nhiều thời gian khi thực hiện

Quy định về thủ tục giải thể doanh nghiệp còn rải rác tại nhiều văn bản pháp luật như: các văn bản pháp luật về thuế, đăng ký doanh nghiệp, hải quan, bảo hiểm... Các thủ tục hành chính này được giải quyết tại nhiều cơ quan nhà nước khác nhau và còn nhiều vướng mắc. Đơn cử như thủ tục thực hiện tại cơ quan thuế, khi giải thể, doanh nghiệp phải trải qua thủ tục kê khai quyết

⁸ Nguyễn Thị Dung (2012), “Thực trạng pháp luật về giải thể doanh nghiệp - Một số đánh giá và kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Luật học*, số 10, tr. 11, 15.

⁹ Vũ Phương Đông (2020), “Giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam - Thực trạng pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi”, *Tạp chí Luật học* số 6, tr. 18.

¹⁰ Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 37/19 ngày 16/3/2020 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam.

toán thuế và cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ, chứng từ thuế trong vòng năm năm gần nhất để xác minh lại tính chính xác của số liệu và tính tuân thủ của doanh nghiệp trong quá trình chấp hành quy định của Luật Quản lý thuế. Điều này dẫn tới thời gian quyết toán thuế kéo dài¹¹. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục giải thể tại cơ quan thuế đã không hoàn thành được thủ tục và không tiếp tục thực hiện thủ tục giải thể¹². Nếu đáp ứng điều kiện tại cơ quan thuế, doanh nghiệp cũng khá vất vả mới làm xong các thủ tục tại các cơ quan có liên quan như cơ quan hải quan (xác nhận doanh nghiệp không nợ thuế xuất nhập khẩu nếu có hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá), cơ quan bảo hiểm xã hội (xác nhận doanh nghiệp không nợ tiền bảo hiểm xã hội mà họ phải đóng cho người lao động), ngân hàng mà họ giao dịch (để đóng tài khoản), cơ quan công an (để trả lại con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu – đối với các doanh nghiệp được thành lập trước khi LDN 2014 có hiệu lực)... làm mất nhiều thời gian và tốn kém chi phí cho doanh nghiệp¹³.

¹¹ Thanh Hà (2020), *Khó khăn trong việc giải thể doanh nghiệp không nằm ở quy định về thuế*, <https://taichinhdoanhnghep.net.vn/kho-khan-trong-vec-giai-the-doanh-nghep-khong-nam-o-quy-dinh-ve-thue-d14259.html>, truy cập 30/11/2024.

¹² Gia Nguyễn (2021), *Giải thể doanh nghiệp “khó” trăm bề*, <https://diendandoanhnghep.vn/giai-the-doanh-nghep-kho-tram-be-200141.html>, truy cập 11/01/2025.

¹³ Nguyễn Ngọc Hải (2021), *Hoàn thiện các quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành về giải thể doanh nghiệp*, <https://tapchicongthuong.vn/hoan-thien-cac-quy-dinh-cua-luat-doanh-nghep-hien-hanh-ve-giai-the-doanh-nghep-84287.htm>, truy cập 11/01/2025.

Thứ bảy, pháp luật hiện hành chưa quy định quy chế liên thông, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước khi thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp.

Doanh nghiệp khi thực hiện giải thể phải thực hiện tại nhiều cơ quan, mỗi cơ quan phải cung cấp một bộ hồ sơ theo quy định, mỗi hồ sơ đều có một số giấy tờ giống nhau, chẳng hạn như quyết định giải thể doanh nghiệp. Cùng với đó, các cơ quan có thẩm quyền xác định doanh nghiệp đủ điều kiện giải thể như: cơ quan thuế xác nhận điều kiện doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận doanh nghiệp đóng đủ bảo hiểm xã hội cho người lao động... lại không có sự liên thông, kết nối, chia sẻ với nhau. Doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục giải thể không có cơ quan đầu mối, dẫn đến lúng túng khi thực hiện. Doanh nghiệp phải đến nhiều cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục, vì thế thời gian giải quyết kéo dài, mất nhiều thời gian và công sức cho doanh nghiệp. Pháp luật hiện hành cũng chưa có quy định để hướng dẫn doanh nghiệp khi giải thể phải đến cơ quan nào và làm thủ tục gì trước (ví dụ: đến cơ quan thuế trước hay đến cơ quan bảo hiểm xã hội trước, đến ngân hàng trước hay đến cơ quan hải quan trước...). Điều này khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khi muốn chấm dứt hoạt động thông qua thủ tục giải thể, kể cả giải thể tự nguyện hay bắt buộc.

Thứ tám, LDN năm 2020 không quy định cơ quan bảo hiểm xã hội là chủ thể được thông báo/gửi quyết định giải thể để đảm bảo nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động trước khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động

Khoản 3 Điều 208 LDN năm 2020 quy định về các cơ quan được doanh nghiệp gửi nghị quyết, quyết định giải thể, nhưng không có cơ quan bảo hiểm xã hội. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 70 và khoản 1 Điều 71 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp hướng dẫn trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp cũng không đề cập việc gửi quyết định giải thể cho cơ quan bảo hiểm xã hội. Điều này dẫn đến ách tắc trong tiến trình giải thể doanh nghiệp trên thực tế vì cơ quan bảo hiểm xã hội khó xác nhận việc doanh nghiệp đã hoàn thành đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người lao động¹⁴. Trong khi đó, thông báo hoàn thành nghĩa vụ bảo hiểm xã hội từ cơ quan bảo hiểm xã hội là một trong những điều kiện cần để doanh nghiệp giải thể.

Thứ chín, LDN năm 2020 quy định về các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể, tuy nhiên chế tài áp dụng với doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp nếu thực hiện các hoạt động bị cấm còn chưa đủ sức răn đe

Khoản 2 Điều 211 LDN năm 2020 quy định: *“Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường”*. Theo Điều 58 Nghị định số

122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, mức phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: 1) Không thực hiện thủ tục giải thể khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ công ti mà không có quyết định gia hạn; 2) Không thực hiện thủ tục giải thể khi công ti không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định trong thời hạn sáu tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; 3) Không thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không xử lý hình sự khi chủ sở hữu không giải thể doanh nghiệp, chỉ xử lý hình sự khi doanh nghiệp trốn thuế hoặc có dấu hiệu trốn thuế (Điều 200). Có thể thấy, quy định về chế tài xử lý đối với chủ sở hữu doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ giải thể khi đã chấm dứt hoạt động chưa đủ sức răn đe; vì thế nhiều chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không quan tâm đến nghĩa vụ giải thể doanh nghiệp.

Cũng vì chế tài chưa đủ sức răn đe nên tình trạng chủ sở hữu doanh nghiệp “mất tích” hoặc “bỏ trốn”, mất liên lạc trong khi còn nợ thuế, nợ lương người lao động, nợ tiền bảo hiểm xã hội, doanh nghiệp “giải thể chui” đã diễn ra tại khá nhiều địa phương trong cả nước. Theo số liệu từ Bảo hiểm xã hội Việt Nam, đến hết năm 2022 cả nước có hơn 30.000 doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

¹⁴ Vũ Phương Đông (2022), *Giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam - Thực trạng pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi*, <https://lvilawfirm.com/giai-the-doanh-nghiep-o-viet-nam-thuc-trang-phap-luat-va-giai-phap-nang-cao-hieu-qua-thuc-thi.html>, truy cập 11/01/2025.

thuộc diện đã giải thể, phá sản mà chủ bỏ trốn nên khó thu hồi; với tổng số tiền còn nợ hơn 4.048 tỉ đồng (cả gốc và lãi), của trên 213.300 người lao động¹⁵. Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 không có chế tài xử lý đối với các chủ sở hữu doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật không chấp hành quy định đã gây ra nhiều khó khăn cho cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan có liên quan. Đơn cử như vụ “biến mất” của chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn KL T.V., 100% vốn H.Q., ở Khu Công nghiệp B.X., huyện T.B. tỉnh Đ.N. vào dịp cận Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 với tổng số tiền lương còn nợ gần 13,7 tỉ đồng, khiến hơn 1.900 người lao động lao đao, không được đảm bảo quyền lợi¹⁶.

4. Giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về giải thể doanh nghiệp

Với những bất cập của pháp luật hiện hành về giải thể doanh nghiệp đã phân tích ở trên, việc hoàn thiện pháp luật về giải thể doanh nghiệp là cần thiết và có ý nghĩa, nhằm giúp các doanh nghiệp có thể rút lui khỏi thị trường một cách trật tự và đúng pháp luật. Cụ thể, LDN năm 2020 cần sửa đổi, bổ sung như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về các trường hợp giải thể doanh nghiệp

Một là, cần nhắc bổ trường hợp giải thể

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 207 LDN năm 2020: Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn bởi vì không có quy định thời hạn hoạt động là một trong các nội dung bắt buộc của điều lệ công ty. Đồng thời, sửa đổi quy định tại điểm c khoản 1 Điều 207 LDN năm 2020 nhằm đảm bảo quy định được áp dụng thống nhất đối với mọi loại hình công ty, kể cả công ty hợp danh. Cụ thể, điểm c khoản 1 Điều 207 LDN năm 2020 cần sửa như sau: Công ty bị giải thể khi không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn sáu tháng liên tục. Việc công ty khi không đủ số lượng thành viên tối thiểu có thực hiện thủ tục chuyển đổi loại hình hay không hoàn toàn là quyền của chủ sở hữu, không phải là điều kiện công ty phải thực hiện trước khi muốn chấm dứt hoạt động thông qua thủ tục giải thể.

Hai là, bổ sung trường hợp giải thể doanh nghiệp theo quyết định của tòa án tại khoản 1 Điều 207 LDN năm 2020.

LDN năm 2020 và Luật Đầu tư năm 2020 cần sửa đổi theo hướng quy định: doanh nghiệp bắt buộc phải thực hiện thủ tục giải thể khi có bản án, quyết định có hiệu lực của tòa án hủy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư; cần quy định cụ thể căn cứ, lí do để tòa án ra quyết định giải thể doanh nghiệp và chủ thể có quyền yêu cầu tòa án giải thể doanh nghiệp. Việc xây dựng các quy định về thẩm quyền của tòa án trong việc tuyên bố giải thể phải phù hợp với quy định về thẩm quyền của tòa án trong Luật Tố tụng hành chính.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về điều

¹⁵ Lê Hữu Việt (2023), *Cám xuất cảnh chủ doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội*, <https://tienphong.vn/cam-xuat-can-chu-doanh-nghiep-no-bao-hiem-xa-hoi-post1512642.tpo>, truy cập 30/11/2024.

¹⁶ Quang Minh (2019), *Nạn giải “bài toán” chủ doanh nghiệp bỏ trốn*, <https://dangcongsan.vn/ban-doc/nan-giai-bai-toan-chu-doanh-nghiep-bo-tron-531739html>, truy cập 30/11/2024.

kiện giải thể doanh nghiệp

Một là, cần quy định thống nhất về điều kiện giải thể doanh nghiệp. Theo đó, quy định tại khoản 7 Điều 208 và khoản 4 Điều 209 LDN năm 2020 cần được sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 207 LDN năm 2020, cụ thể là: “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp”.

Hai là, cần quy định cụ thể và làm rõ thể nào được coi là “bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác”, đồng thời hướng dẫn cụ thể trường hợp doanh nghiệp và chủ nợ thoả thuận được về việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp thì người nhận chuyển giao nghĩa vụ có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp bị giải thể. Điều này phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời đảm bảo quy định có tính khả thi. Thêm vào đó, giấy tờ phải có trong hồ sơ giải thể được quy định tại khoản 1 Điều 210 LDN năm 2020 cần được bổ sung (đối với trường hợp có việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán). Ngoài ra, pháp luật cần quan tâm đến nghĩa vụ bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực đặc thù như y tế, dầu khí, xử lý chất thải hay kinh doanh hoá chất các loại khi chấm dứt hoạt động thông qua thủ tục giải thể.

Thứ ba, hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp

Một là, cần quy định cụ thể nghĩa vụ đăng báo công khai thông tin giải thể doanh

niệp trong trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: trường hợp phải đăng báo, nội dung đăng báo... tránh tình trạng bắt buộc doanh nghiệp đăng báo trong mọi trường hợp như thực tế hiện nay.

Hai là, bổ sung quy định về việc gửi nghị quyết, quyết định giải thể cho cơ quan bảo hiểm xã hội tại LDN và nghị định hướng dẫn thi hành LDN, trong đó quy định rõ cơ quan đăng ký kinh doanh phải có trách nhiệm gửi thông tin về việc giải thể doanh nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động và hạn chế các trở ngại phát sinh trong quá trình doanh nghiệp giải thể.

Ba là, cần rà soát và đề xuất các chế tài xử lý mạnh, có tính răn đe đối với chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không tuân thủ quy định về giải thể doanh nghiệp, như: doanh nghiệp không còn hoạt động nhưng không thực hiện thủ tục giải thể; doanh nghiệp không chịu giải thể khi hội đủ các điều kiện giải thể; doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thực hiện thủ tục giải thể... Có thể quy định một số chế tài sau đây: cấm thành lập công ty mới, cấm đảm nhiệm chức vụ người đại diện theo pháp luật trong thời gian nhất định, cấm góp vốn vào các công ty khác¹⁷...

Bốn là, cần luật hoá tiêu chí xác định doanh nghiệp có chủ doanh nghiệp bỏ trốn để làm cơ sở giải quyết giải thể cho các doanh nghiệp “mất tích” trong nền kinh tế. Cần quy định thời gian cụ thể chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật vắng

¹⁷ Nguyễn Ngọc Hải (2021), tldd.

mặt mà không thông báo cho chính quyền địa phương cũng như không ủy quyền hợp pháp cho người khác; hoặc cơ quan chức năng đã thông báo công khai mà chủ doanh nghiệp vẫn không có phản hồi thì được xem là “chủ doanh nghiệp đã bỏ trốn”. Từ đó, quy định cách thức giải quyết đối với những doanh nghiệp này, cụ thể, cơ quan chức năng được quyền thanh lý tài sản của doanh nghiệp để trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động. Ngoài ra, cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông báo sang cơ quan công an tỉnh và cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động để phối hợp theo dõi, quản lý chặt chẽ các đối tượng¹⁸.

Thứ tư, hoàn thiện hệ thống quản lý thông tin đồng bộ.

Một trong những vướng mắc, bất cập nhất hiện nay khi thực hiện thủ tục giải thể là không có hệ thống thông tin đồng bộ, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan đặc biệt là cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh. Việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp về hoạt động kinh doanh, thuế, bảo hiểm xã hội... sẽ trở thành công cụ hiệu quả để quản lý hoạt động doanh nghiệp nói chung và đơn giản thủ tục giải thể doanh nghiệp nói riêng, tiết kiệm thời gian, tăng hiệu quả công việc. Hệ thống thông tin đồng bộ là điều kiện tiên quyết tiến tới triển khai hệ thống “một cửa” trong giải thể doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ nộp hồ sơ đăng ký giải thể tại cơ quan đăng ký kinh doanh, toàn bộ thủ tục xác nhận nghĩa vụ thuế được thực hiện trên hệ thống thông tin chung. Doanh

NGHIỆP SẼ KHÔNG MẤT THỜI GIAN ĐỂ DI CHUYỂN GIỮA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC MÀ CHỈ PHẢI HOÀN THIỆN HỒ SƠ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÍ KINH DOANH.

Thứ năm, đề xuất xây dựng quy trình liên thông trong giải quyết thủ tục giải thể doanh nghiệp, đặc biệt là liên thông giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, trong đó xác định cơ quan đầu mối tiếp nhận và trả kết quả là cơ quan đăng ký kinh doanh.

Cần “*đồng bộ quy định pháp luật doanh nghiệp với quy định về quản lý thuế để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp được thoát khỏi thị trường, góp phần tạo dựng môi trường kinh doanh và nền kinh tế minh bạch, dễ dự báo và bền vững*”¹⁹. Có thể phác thảo quy trình giải thể doanh nghiệp khi liên thông giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế trong hai trường hợp sau:

Trường hợp thứ nhất: Đối với các doanh nghiệp giải thể thuộc diện không phải thực hiện quyết toán thuế hoặc đối với các doanh nghiệp thuộc diện phải quyết toán thuế nhưng đã tự động hoàn thành xong nghĩa vụ tài chính với cơ quan thuế và các chủ nợ khác

Bước thứ nhất: Doanh nghiệp thực hiện các thủ tục nội bộ và ra quyết định giải thể doanh nghiệp

Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày có quyết định giải thể, doanh nghiệp niêm yết quyết định giải thể tại trụ sở và gửi quyết định giải thể tới các chủ nợ, ngân hàng, cơ quan đăng ký kinh doanh

Bước thứ hai: Trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định

¹⁸ Nguyễn Ngọc Hải (2021), tldd.

¹⁹ Nguyễn Thị Dung (2023), tldd, tr. 565.

giải thể doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo về việc giải thể doanh nghiệp kèm theo quyết định giải thể tới các cơ quan nhà nước có liên quan như: cơ quan công an (với các doanh nghiệp cơ quan công an cấp con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu), cơ quan bảo hiểm xã hội, cơ quan thuế (cơ quan thuế có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp)

Bước thứ ba: Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh, các cơ quan có liên quan căn cứ vào chức năng quản lý, có trách nhiệm xem xét và có văn bản phúc đáp về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận (nêu rõ lý do) việc doanh nghiệp giải thể tới cơ quan đăng ký kinh doanh

Trường hợp các cơ quan có liên quan có văn bản đồng ý về việc doanh nghiệp đã hoàn thành các nghĩa vụ theo lĩnh vực quản lý của mỗi ngành, cơ quan đăng ký kinh doanh gửi thông báo tới doanh nghiệp yêu cầu nộp bộ hồ sơ gồm đầy đủ các loại giấy tờ sau: giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận mã số thuế (nếu có); giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu, con dấu... Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh ra quyết định về việc doanh nghiệp đã giải thể thành công và gửi tới doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước có liên quan nêu trên để phục vụ quá trình theo dõi quản lý doanh nghiệp.

Trường hợp thứ hai: Đối với các doanh

nh nghiệp chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với cơ quan thuế, cơ quan hải quan, chủ nợ...

Trường hợp các cơ quan chuyên ngành khác có ý kiến doanh nghiệp chưa đủ điều kiện để giải thể (nêu rõ lý do), cơ quan đăng ký kinh doanh gửi thông báo tới doanh nghiệp và đề nghị doanh nghiệp đến các cơ quan chuyên ngành có liên quan để hoàn tất nghĩa vụ của mình (ngoại trừ cơ quan công an).

Trong thời hạn ba tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh có thông báo đề nghị doanh nghiệp hoàn tất nghĩa vụ tài chính, nếu doanh nghiệp không đủ khả năng thanh toán các khoản nợ (thuế, bảo hiểm xã hội...), cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp với cơ quan thuế xem xét doanh nghiệp có lâm vào tình trạng phá sản hay không; nếu có, cơ quan thuế gửi thông báo tới toà án về trường hợp doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, không đủ điều kiện để thực hiện thủ tục giải thể.

Ngoài ra, cần thực hiện đồng thời thủ tục giải thể doanh nghiệp và giải thể đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) đối với doanh nghiệp có các đơn vị phụ thuộc; đồng thời thực hiện liên thông thủ tục đóng mã số thuế doanh nghiệp và mã số thuế đơn vị phụ thuộc để giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý (2008), *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển Bách khoa - Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
2. Bùi Phụng (1998), *Từ điển Việt-Anh*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

(Xem tiếp trang 119)